TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HC-PT
Ngày: 23/5/2020
V/v Khiếu kiện quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 356/2019/TLPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 184/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3339/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện O, thành phố H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Hoàng Văn T - Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư thành phố H; vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện O, thành phố H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O, thành phố H.

Địa chỉ: Số 135, tổ 3, thị trấn K, huyện O, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn S - Chủ tịch UBND huyện O.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện O; Chủ tịch UBND huyện O: Ông Nguyễn Trọng K - Phó Chủ tịch UBND huyện O (Văn bản ủy quyền số 328/GUQ-UBND ngày 09/3/2020); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người bị kiện đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy

ban nhân dân xã B, huyện O, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch UBND xã B, huyện O, H; có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Ông Tào Văn V, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện O, thành phố H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 31/7/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 3185/QĐ-UBND về việc thu hồi 782.736,1m^2 đất trên địa bàn các xã Cự K, Mỹ H, Tam H, B, Thanh V, Tân U, Liên C, huyện O để giao cho Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5 thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường trục phát triển phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ). Trong đó hộ gia đình ông Tào Văn V, bà Vũ Thị T bị thu hồi 540m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Chương, xã B, huyện O.

Cho rằng UBND huyện O chỉ hỗ trợ 48.600.000 đồng/sào mà không bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ khi giao đất theo Nghị định 64/CP (giao theo khẩu) là không đúng, bà Vũ Thị T và một số hộ dân có đất bị thu hồi đã có đơn khiếu nại. Ngày 05/10/2016, UBND huyện O ban hành Thông báo số 179/TB-UBND xác định đất nông nghiệp thu hồi của các hộ gia đình là đất nông nghiệp công ích do UBND xã B quản lý nên chỉ được hỗ trợ khi thực hiện việc giải phóng mặt bằng mà không được áp dụng các chính sách bồi thường như đối với ruộng giao theo khẩu (quỹ I).

Không đồng ý với Thông báo số 179/TB-UBND, ông Tào Văn H đại diện cho các hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi ở thôn A có đơn khiếu nại.

Ngày 05/02/2018, Chủ tịch UBND huyện O ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Tào Văn H và các hộ dân, xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp công ích do UBND xã B quản lý nên chỉ được hỗ trợ khi thực hiện việc giải phóng mặt bằng mà không được áp dụng các chính sách bồi thường như đối với ruộng giao theo khẩu.

Ngày 12/02/2018, UBND huyện O ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Tào Văn V, bà Vũ Thị T. Theo đó hộ ông V, bà T bị thu hồi 540m^2 đất nông nghiệp công ích tại một phần thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, tỷ lệ 1/2000 tại xứ đồng Chương, xã B, huyện O, thành phố H; nguồn gốc sử dụng đất: Đất công ích do UBND xã B quản lý giao khoán cho các hộ canh tác năm 1993, được hỗ trợ 135.000 đồng/m^2 bằng 72.900.000 đồng.

Ngày 19/3/2018, bà Vũ Thị T có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H với các yêu cầu:

Yêu cầu tuyên hủy các hành vi hành chính liên quan đến hoạt động thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ đối với UBND huyện O, Chủ tịch UBND huyện O và UBND xã B;

Yêu cầu hủy Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện O.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T bổ sung yêu cầu đề nghị tuyên huỷ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện O về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình bà; yêu cầu UBND huyện O phải ban hành lại phương án phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đó phải bồi thường bằng 100% đất nông nghiệp giao theo Nghị định 64/CP.

Tại cấp sơ thẩm, bà Vũ Thị T đã rút yêu cầu khởi kiện tuyên bố các hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện O, UBND huyện O, UBND xã B trong hoạt động thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình bà T là trái pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 184/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

1. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với UBND huyện O, Chủ tịch UBND huyện O, UBND xã B về tuyên bố các hành vi hành chính trong hoạt động thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường là trái pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đề nghị hủy:

- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện O;

- Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện O.

3. Bác yêu cầu của bà Vũ Thị T buộc UBND huyện O phải thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/12/2018, bà Vũ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Vũ Thị T đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Chủ tịch UBND xã Thanh Thuỳ đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Vũ Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/3/2018, bà Vũ Thị T khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện O, Chủ tịch UBND huyện O, UBND xã B thực hiện nhiệm vụ thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nông

nghiệp của hộ gia đình bà T là trái quy định của pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án bà T đề nghị hủy Quyết định số 315/2018/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện O về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 430/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện O về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà T. Đây là các khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện O về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện O về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ bà T.

[2.1] Chủ tịch UBND huyện O ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 và UBND huyện O ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại.

[2.2] Để thực hiện dự án làm đường trục phát triển phía Nam thành phố, UBND tỉnh Hà Tây đã ban hành Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 về việc thu hồi 782.736,1m^2 đất trên địa bàn các xã Cự K, Mỹ H, Tam H, B, Thanh V, Tân U, Hồng D, Liên C, huyện O, thành phố H. Theo đó thu hồi 13.864,60m^2 đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do Ủy ban nhân dân xã B quản lý giao khoán cho các hộ gia đình canh tác tại xứ Đồng II và đồng Chương, thôn A, xã B. Diện tích đất của hộ bà Vũ Thị T bị thu hồi là 540m^2 đất nông nghiệp trồng lúa tại thửa số 53, tờ bản đồ số 10, tỷ lệ 1/2000 tại khu vực đồng Chương.

Theo sổ sách quản lý giao đất nông nghiệp của xã B thể hiện danh sách các hộ được giao ruộng năm 1992-1994 (theo Nghị định số 250/CP và Nghị định số 64/CP ngày 27/3/1993) thì hộ ông Tào Văn V (vợ là Vũ Thị T) có 02 nhân khẩu được chia ruộng (quỹ đất I chia theo nhân khẩu) gồm các xứ đồng: Đồng Ma Cả; Đồng Tứ; Đồng Sau Chùa. Hộ hộ ông Tào Văn V được giao quỹ đất công ích nông nghiệp (quỹ II) chia theo lao động tổng diện tích 900m^2 gồm: Đồng Bộ Đội: 360m^2; Đồng Chương: 540m^2; đất công ích thuộc quyền quản lý của UBND xã B (giao khoán cho các hộ theo lao động hàng năm phải nộp sản lượng cho UBND xã). Hộ gia đình ông V, bà T không được giao đất quỹ I tại khu đồng Chương. Tại Biên bản ngày 11/12/2017 về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của Tổ công tác giải phóng mặt bằng xã B của hộ bà T, bà T đã ký xác nhận diện tích bị thu hồi của hộ bà tổng cộng là 540m^2 tại xứ đồng Chương. Theo Giấy xác nhận ngày 05/01/2018 của UBND xã B xác nhận người sử dụng đất là ông Tào Văn V, vị trí thu hồi thuộc một phần thửa đất 53, tờ bản đồ số 10, tỷ lệ 1/2000 (bản đồ địa chính xã B năm 1996) xứ đồng Chương, thôn A, xã B; diện tích bị thu hồi 540m^2; nguồn gốc,

thời điểm, quá trình sử dụng đất: Giao khoán cho lao động không có hợp đồng từ năm 1993, sử dụng ổn định từ đó đến nay thuộc quỹ đất công ích (quỹ đất II) sử dụng vào mục đích trồng lúa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H quy định: Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất nông nghiệp công ích của xã thì không được bồi thường về đất chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có)... hoặc được hỗ trợ tối đa không quá 10% mức bồi thường giá đất nông nghiệp được công bố theo quy định. Tại Quyết định số 315/QĐ-UBND xác định đất thu hồi là đất nông nghiệp công ích do UBND xã B quản lý nên chỉ được hỗ trợ khi thực hiện việc giải phóng mặt bằng mà không được áp dụng các chính sách bồi thường như đối với ruộng giao theo khẩu là đúng quy định tại Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị hủy Quyết định số 315/QĐ-UBND là đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo đề nghị huỷ Quyết định số 315/QĐ-UBND.

[2.4] Theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H về việc quy định các loại giá đất trên địa bàn thành phố H áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/12/2019; theo đó quỹ đất I được giao theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì được bồi thường, hỗ trợ là 292.680.000 đồng/sào; đất canh tác trên quỹ đất công ích do UBND xã B quản lý giao khoán cho các hộ thì được hỗ trợ: 48.600.000 đồng/sào (135.000 đồng/m^2) khi nhà nước thu hồi đất. Tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện O về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với bà T bị thu hồi 540m^2 đất công ích do UBND xã B quản lý giao khoán cho các hộ canh tác năm 1993 thì được hỗ trợ 135.000 đồng/m^2, tỷ lệ hỗ trợ 100% bằng 72.900.000 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà T yêu cầu hủy Quyết định số 430/QĐ-UBND và bác yêu cầu của bà T buộc UBND huyện O phải thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà T.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Vũ Thị T không được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 184/2018/HCST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006141 ngày 12/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình